

TỔNG LUẬN

Lịch sử tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1975 - 2020 là lịch sử của quá trình toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã nỗ lực khắc phục hậu quả nặng nề qua 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, nêu cao tinh thần đoàn kết các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa và các dân tộc anh em khác trên địa bàn tỉnh; nêu cao ý chí tự lực, tự cường, vượt qua những khó khăn, thách thức, cống hiến công sức, trí tuệ để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Lịch sử tỉnh Trà Vinh cũng chính là lịch sử của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh, 45 năm qua, Đảng bộ tỉnh đã quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tiễn của địa phương; lãnh đạo Nhân dân tỉnh nhà lập nên những thành tựu quan trọng trong quá trình khai thác, huy động sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và đảm bảo quốc phòng - an ninh; xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh.

Những thành tựu chủ yếu của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1975 - 2020 có thể khái quát trên các phương diện sau:

1. Duy trì tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm, tạo sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Từ một địa phương nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, hầu như chưa có các ngành sản xuất công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp nhỏ lẻ, thiết bị thô sơ, lạc hậu; sản xuất nông nghiệp phần lớn là độc canh cây lúa, năng suất, sản lượng thấp; trình độ nguồn nhân lực thấp, hậu quả chiến tranh để lại nhiều vấn đề xã hội bức xúc như nghèo, đói, thất nghiệp, tệ nạn xã hội... Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã không ngừng phấn đấu, vượt qua những khó khăn thách thức, phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân với

Đảng, chính quyền, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh. Chỉ tính trong 30 năm tái lập tỉnh, Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GRDP) luôn tăng trưởng ở mức cao: Giai đoạn 1996 - 2000 tăng 8,87%; giai đoạn 2001 - 2005 tăng 11,64%; giai đoạn 2005 - 2010 tăng 10,9%; giai đoạn 2011 - 2020 tăng 9,56%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị nông - lâm nghiệp - thủy sản từ 60,29% năm 1991 giảm còn 28,98% năm 2020; công nghiệp - xây dựng từ 7,24% năm 1991 tăng lên 35,53%, dịch vụ từ 17,02% tăng lên 35,49%. GRDP bình quân đầu người năm 1992 khoảng 0,73 triệu đồng/người/năm, đến cuối năm 2020 đạt 62,567 triệu đồng/năm, gấp 85 lần so năm 1992.

Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng mạnh, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước hình thành và phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến. Năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông - thủy sản ngày càng được nâng cao, giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2020 đạt trên 27.000 tỷ đồng, tăng 38 lần so với năm 1992. Giá trị sản phẩm thu được trên diện tích đất trồng trọt từ 4,5 triệu đồng/ha năm 1992 tăng lên 120 triệu đồng/ha năm 2020; trên diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 27 triệu đồng/ha năm 1992 tăng lên 320 triệu đồng/ha năm 2020, cá biệt có nơi trên 500 triệu đồng/ha.

Là một trong những ngành kinh tế chủ chốt của tỉnh Trà Vinh, sản xuất công nghiệp phát triển vượt bậc. Năm 1992, ngành công nghiệp tỉnh chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghệ lạc hậu, thị trường nhỏ hẹp... tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 1992 chỉ đạt 270 tỷ đồng nhưng đến cuối năm 2020 tổng giá trị sản xuất đạt trên 35.335 tỷ đồng (gấp 130 lần so với năm 1992). Tỉnh hiện có Khu Kinh tế Định An và 03 khu công nghiệp⁷⁰; 04 cụm công nghiệp; khôi phục, phát triển 13 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với nhiều

⁷⁰ Trong đó, Khu công nghiệp Long Đức đã lấp đầy; Khu công nghiệp Cổ Chiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng; Khu công nghiệp Cầu Quan đang được hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.

ngành nghề đa dạng, trang thiết bị từng bước được trang bị theo hướng hiện đại, một số sản phẩm đáp ứng được thị trường xuất khẩu. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 374 dự án còn hiệu lực³⁷¹.

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ đóng góp to lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thời điểm sau ngày giải phóng, hoạt động thương mại - dịch vụ chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, giao thương chủ yếu theo tập quán sinh hoạt và các chợ truyền thống... Đến nay, hạ tầng thương mại - dịch vụ đã phát triển vượt bậc, hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư khang trang, hiện đại³⁷². Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 33.542 tỷ đồng, gấp 47 lần so với năm 1992. Các dịch vụ giao thông vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... có bước phát triển theo hướng hiện đại.

Cải tạo cảnh quan du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ các cơ sở lưu trú, hình thành và phát triển các điểm, loại hình du lịch mới như: Khu du lịch cộng đồng Cồn Chim, khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn, khu du lịch văn hóa Ao Bà Om, Làng văn hóa - du lịch Khmer, Khu di tích Đền thờ Bác Hồ, Khu du lịch biển Ba Động, Thiền Viện Trúc Lâm, xây dựng thành công 02 điểm du lịch cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu... thu hút ngày càng nhiều lượt khách đến thăm quan du lịch.

Hàng năm, thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nội địa tăng bình quân 20%/năm³⁷³. Các khoản chi được kiểm soát chặt chẽ, chi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tăng bình quân 12%/năm mang lại hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các tổ chức tín dụng phát triển mạnh, hầu hết các ngân hàng thương

³⁷¹ Trong đó, có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,11 tỷ, trong đó có 254 dự án trong nước với vốn đăng ký 40.198 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư ngoài nước với tổng vốn đăng ký 522,6 triệu USD

³⁷² Toàn tỉnh hiện có 116 chợ, 02 Trung tâm thương mại, 07 siêu thị, 25 cửa hàng tiện lợi cùng hệ thống cửa hàng phân phối, bán lẻ rộng khắp từ thành thị đến nông thôn.

³⁷³ Năm 1992, thu nội địa 32,4 tỷ đồng, đến năm 2020 thu nội địa đạt gần 5.000 tỷ đồng, gấp 154 lần so với năm 1992.

mại lớn đều có chi nhánh tại tỉnh Trà Vinh³⁷⁴ phục vụ và đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế và người dân để đầu tư sản xuất kinh doanh và phục vụ cuộc sống. Đến năm 2020, tổng nguồn vốn huy động đạt gần 40.000 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay trên 32.000 tỷ đồng, duy trì nợ xấu dưới 3%.

Sau ngày 30/4/1975, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh còn rất lạc hậu. Qua 45 năm xây dựng và phát triển, hệ thống giao thông đường bộ phát triển nhanh và ngày càng được hoàn thiện. Toàn tỉnh có 04 tuyến Quốc lộ với tổng chiều dài trên 271km, 05 tỉnh lộ với tổng chiều dài trên 225km, 42 hương lộ với tổng chiều dài trên 481km, 100% các tuyến tỉnh lộ, hương lộ đều đã được nhựa hóa; các tuyến đường trục xã, liên xã được nhựa hóa trên 97%; đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa trên 66%; hệ thống đường giao thông nông thôn có bước phát triển đột phá, toàn tỉnh có trên 5.545 km đường giao thông nông thôn, đường trục chính nội đồng được cứng hóa trên 59%, trên 96% tổng số xã đạt tiêu chí về giao thông nông thôn.

Đầu tư nhiều công trình mới như: Cầu Cổ Chiên, Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, cầu Long Toàn, cầu Láng Chim, cầu Long Bình 2, Long Bình 3, Quốc lộ 53, 54, 60, đường tỉnh 915, 915B... góp phần kết nối hệ thống giao thông thuận tiện rút ngắn khoảng cách với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, các công trình thủy lợi phục vụ phát triển cây trồng, nuôi thủy sản và đời sống dân sinh cũng được quan tâm đầu tư. Hạ tầng lưới điện phát triển nhanh; hệ thống lưới điện phủ rộng khắp cả tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn được cấp điện. Đầu tư xây dựng Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải, các nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời... góp phần đảm bảo cân đối điện phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất của người dân và doanh nghiệp, góp phần tăng thu ngân sách và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ hộ sử dụng điện tăng nhanh từ 7,14% vào năm 1992 tăng lên 99% vào năm 2020. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng các trạm cấp

³⁷⁴ Như: BIDV, VietinBank, Vietcombank, Sacombank, DONGA*Bank, Kiên Long, MB Bank, DH Bank...

nước hợp vệ sinh ở thành phố, thị xã, trung tâm các huyện, xã và vùng nông thôn, đến năm 2020 có 99,7 % hộ nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; trên 99% hộ thành thị sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

Đã củng cố, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã được củng cố và phát triển. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Đến nay có 175 hợp tác xã đang hoạt động, 100% xã, phường, thị trấn có hợp tác xã; có 3.248 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.135 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 95.737 lao động.

Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, sau hơn 10 năm, triển khai thực hiện, Chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Trà Vinh đã huy động được sự tham gia của toàn xã hội; các tổ chức chính trị - xã hội đã phát động nhiều phong trào thi đua đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân nông thôn, có nhiều mô hình hay, hiệu quả. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, trong đó có sự tham gia đóng góp tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, tăng cường theo hướng trong sạch, vững mạnh. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững, quốc phòng được củng cố và tăng cường. Đến cuối năm 2020, đã có 70/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 82,4%), 90% số hộ, 75% số ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

2. Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hoá, xã hội có những chuyển biến quan trọng.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, thể dục, thể thao phát triển. Đến nay, tỉnh có 48 di tích được xếp

hạng³⁷⁵, 01 bảo vật quốc gia, 05 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Tỉnh có 04 cơ quan báo chí³⁷⁶, cùng với Công thông tin điện tử của tỉnh, các đài truyền thanh cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã... Các cơ quan truyền thông thực hiện tốt nhiệm vụ, kịp thời thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất; phát huy những điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng; 100% ấp, khóm được cung cấp dịch vụ truy cập Internet, 100% khu vực trung tâm huyện, thị xã, thành phố được cung cấp dịch vụ 3G, 4G. Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh, số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên không ngừng tăng cao. Công tác xã hội hóa lĩnh vực thể dục, thể thao ngày càng được chú trọng. Các thiết chế văn hóa - thể thao được quan tâm đầu tư, toàn tỉnh có 01 Trung tâm văn hóa, 08 Trung tâm văn hóa - thể thao, 103 nhà văn hóa cấp xã và 7.431 nhà văn hóa ấp khóm.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo được quan tâm, không ngừng phát triển quy mô trường, lớp học, cơ sở vật chất, học sinh, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chất lượng dạy và học nâng lên. Năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 429 trường, với 6.859 lớp, có 207.665 học sinh. Tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học ở các bậc học³⁷⁷; 100% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; có 35,3% trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tháng 12/1998, tỉnh Trà Vinh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; năm 2008, tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và năm 2015 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Xã hội hóa giáo dục được phát triển mạnh; hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng khắp; 100% xã, phường, thị trấn có

³⁷⁵ 16 di tích cấp quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh.

³⁷⁶ Báo Trà Vinh (Báo in và Báo điện tử); Đài Phát thanh và Truyền hình; Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Trà Vinh); Tạp chí Văn học Nghệ thuật (Hội Văn học Nghệ thuật).

³⁷⁷ Bậc tiểu học: 99,9%, trung học cơ sở: 98,60%, trung học phổ thông: 73%;

Trung tâm học tập cộng đồng. Tỉnh có 01 trường Đại học và 02 trường Cao đẳng.

Khoa học - công nghệ được chú trọng đầu tư, nghiên cứu. Triển khai thực hiện trên 300 đề tài/dự án khoa học - công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tỷ phần đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh liên tục tăng, giai đoạn 2011 - 2015, đóng góp của TFP vào GRDP trung bình 19,34%, đến năm 2020 đóng góp của TFP tăng lên đạt 46,06%. Tốc độ tăng đóng góp của TFP của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020 đạt 5,1%.

Mạng lưới y tế các cấp được tăng cường, chất lượng khám chữa bệnh, dịch vụ y tế được nâng lên, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế và có bác sĩ, 100% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Các chương trình mục tiêu y tế, công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện có hiệu quả, ý thức phòng bệnh của Nhân dân được nâng lên. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, nhất là dịch Covid-19. Chính sách dân số, gia đình và trẻ em được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt trên nhiều mặt. Độ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 96% dân số.

Chính sách đối với người có công và bảo trợ xã hội: Khi tái lập tỉnh, Trà Vinh còn gần 18% hộ đói, 40% hộ nghèo. Đến cuối năm 2020, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,8%. Tỉnh hiện có 17 cơ sở dạy nghề công lập và nhiều doanh nghiệp tham gia dạy nghề; đến năm 2020 có 67% lao động được đào tạo nghề (*có văn bằng chứng chỉ đạt 33%*); hàng năm giải quyết việc làm cho trên 22.000 người, đưa lao động đi lao động theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài từ 200 - 500 lao động/năm. Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn xã hội quan tâm, 99% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình người dân nơi cư trú; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ. Tỉnh có

04 cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập; trợ cấp xã hội hàng tháng cho 37.595 đối tượng bảo trợ xã; hàng năm cấp khoảng 26.000 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường có những chuyển biến tích cực: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 99,35% diện tích cần cấp; đầu tư đưa vào sử dụng các bãi rác và nhà máy xử lý rác³⁷⁸; triển khai trên 70 dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; 100% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 99,25%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị đạt 98,1%, khu vực nông thôn đạt 75-80%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,04%.

Thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo: Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển toàn diện vùng có đông đồng bào Khmer và các chương trình, mục tiêu quốc gia; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nhà ở; hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm; vốn ưu đãi để phát triển sản xuất...; đầu tư xây dựng 08 trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường Trung cấp Pali - Khmer, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam bộ (*thuộc Trường Đại học Trà Vinh*); số phòng học trong vùng có đông đồng bào Khmer được kiên cố hóa chiếm tỷ lệ 87,99%, 100% xã có trường mẫu giáo; 99,51% hộ dân tộc Khmer được sử dụng nước hợp vệ sinh; 97,6% hộ Khmer sử dụng điện thường xuyên, an toàn; xây dựng 150 nhà hòa táng... Kinh tế - xã hội trong vùng có đông đồng bào Khmer phát triển, đời sống được nâng lên, kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào Khmer từ trên 50% vào năm 1992 xuống còn 0,88% vào cuối năm 2021, bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy.

Triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để các tôn giáo sinh hoạt đúng hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và đúng quy định của pháp luật; các tôn giáo đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây

³⁷⁸ Với 20 bãi rác; 02 nhà máy xử lý chất thải rắn; 05 lò đốt rác đang hoạt động và 01 lò đang đầu tư

dựng và bảo vệ đất nước. Đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương - giáo được củng cố và phát huy tốt.

3. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo:

Tích cực, chủ động triển khai các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững mạnh, nhất là địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh. Hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, bến cảng, đê sông, đê biển, khu công nghiệp, khu kinh tế... đã được đầu tư xây dựng đều mang tính lưỡng dụng, vừa phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội vừa bảo đảm cho quốc phòng - an ninh. Cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành, các cơ quan, ban, ngành đoàn thể địa phương làm tham mưu theo chức năng và tổ chức thực hiện thường xuyên được coi trọng, vận hành tương đối hiệu quả. Công tác huấn luyện, diễn tập, chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ từng bước được nâng lên, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống quốc phòng - an ninh trên địa bàn, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi đầu tư, địa phương thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững. Quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, bảo đảm giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội; giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội. Lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ được quan tâm xây dựng vững mạnh, có chất lượng, tham gia tích cực, có hiệu quả trong việc xử lý các tình huống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở. Thực hiện tốt công tác chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

Kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động của các tổ chức phản động bên ngoài móc nối, lôi kéo, xây dựng cơ sở, xâm nhập và tán phát

tài liệu. Đặc biệt, đã đấu tranh triệt phá nhiều vụ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, không để phát sinh “điểm nóng” gây mất ổn định về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công truy quét tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy,... đã ngăn chặn, kéo giảm các loại tội phạm, góp phần phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thực hiện việc bố trí Công an chính quy ở 100% xã, thị trấn. Phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc*” gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc thông qua các phong trào, mô hình, câu lạc bộ. Trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng; trên 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự... Lực lượng Biên phòng phát huy tốt vai trò nòng cốt, chuyên trách trong quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh khu vực biên giới biển. Giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc nảy sinh về trật tự xã hội, xây dựng nền biên phòng toàn dân ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Những thành tựu trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng đã tạo môi trường kinh tế - xã hội ổn định; làm yên tâm các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần quan trọng vào công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá tỉnh nhà.

4. Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn theo hướng trong sạch vững mạnh, năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh được nâng lên.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh³⁷⁹, nâng cao nhận thức chính trị, quan điểm, lập trường cho đội ngũ cán bộ đảng viên. Đặc biệt từ năm 2006, triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”³⁸⁰, từ năm 2011 thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI,

³⁷⁹ Các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh được triển khai học tập với trên 97% đảng viên và 80% hội viên đoàn thể tham dự.

³⁸⁰ Theo Chỉ thị 06-CT/TW của Bộ Chính trị khoá X và tiếp theo là các Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XI và Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII.

Trung ương 4 khoá XII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên được tập trung chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước tiếp tục được quan tâm thực hiện.. Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Tăng cường công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới, đến năm 2020 toàn đảng bộ có 45.542 đảng viên, chiếm 4,51% dân số toàn tỉnh. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên không ngừng được nâng lên, số lượng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh hàng năm đều tăng.

Chỉ đạo và tổ chức thành công công các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh, cử tri đi bầu đạt tỷ lệ cao (trên 98%). Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân từng bước đổi mới, ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại của địa phương. Hoạt động giám sát được tăng cường, tập trung những vấn đề bức xúc trong cuộc sống. Chất lượng tiếp xúc cử tri, chất vấn và trả lời chất vấn trong các kỳ họp từng bước nâng lên, góp phần giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và khắc phục những hạn chế, thiếu sót, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Lãnh đạo quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được tăng cường, tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao; chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy và ban hành một số văn bản thuộc thẩm quyền. Các hoạt động về kiểm tra rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng có nhiều nỗ lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực

hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tổ chức nhiều cuộc đối thoại và góp ý xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh; quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tích cực tham gia thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Các cuộc vận động, các phong trào của Mặt trận và các đoàn thể đã khơi dậy được động lực, quyền làm chủ của nhân dân, tạo đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã được Đảng và Nhà nước khen tặng:

(1) Giai đoạn cùng chung tỉnh Cửu Long (02/1976 - 5/1992):

+ Năm 1983: Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất về huy động lương thực và lâm thủy sản.

+ Năm 1985 được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, do đã có thành tích to lớn trong 40 năm đấu tranh cách mạng, chiến đấu chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(2) Giai đoạn tỉnh Trà Vinh (từ năm 1992 - 2020):

+ Được Đảng, Nhà nước tặng thưởng cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh: 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2012, 2017 nhân kỷ niệm 20 năm, 25 năm tái lập tỉnh); 02 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2010 thành tích xuất sắc trong xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc, năm 2020 nhân kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh); 01 Cờ thi đua của Chính phủ (xếp thứ nhì Cụm thi đua các tỉnh Tây Nam bộ năm 2011); 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2019 (xếp thứ 4 Cụm thi đua các tỉnh Tây Nam bộ).

+ Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước của các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh bao gồm: 01 Huân chương Hồ Chí Minh³⁸¹; 378 Huân chương Độc lập các hạng; 749 Huân chương Lao động các hạng; 2060 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (khen thưởng kinh tế - xã hội); 1.279 Huân, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về

³⁸¹ Tặng thưởng cho ông Huỳnh Văn Ngò, khen thưởng lãnh đạo có quá trình cống hiến.

thành tích kháng chiến chống Pháp; 54.156 Huân, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích kháng chiến chống Mỹ;

+ Danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu thi đua: 3.364 Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; 05 Anh hùng Lao động; 144 Anh hùng lực lượng vũ trang; 03 Thầy thuốc Nhân dân, 46 Thầy thuốc ưu tú; 35 Nhà giáo ưu tú; 09 Nghệ sĩ ưu tú; 08 Nghệ nhân ưu tú; 98 Cờ Thi đua Chính phủ; 36 Chiến sĩ thi đua toàn quốc³⁸².

Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị trong 45 năm qua, rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, trên cơ sở quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện của địa phương, biết lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, đột phá để lãnh đạo, tổ chức thực hiện.

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bao giờ cũng xuất phát từ tình hình thực tiễn của cách mạng cả nước trong thời kỳ lịch sử cụ thể. Những chủ trương, chính sách này chỉ mang lại hiệu quả thực tế khi được Đảng bộ các địa phương quán triệt đầy đủ, sâu sắc, tạo nên sự nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đồng thời, phải được cụ thể hóa, sát hợp với thực tế của địa phương.

Nhận thức được điều đó, trong 45 năm qua, Đảng bộ tỉnh Cửu Long (1976 - 5/1992) và Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (5/1992 - 2020) luôn thực hiện tốt việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không chỉ trong tổ chức Đảng mà còn tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Thông qua học tập, Đảng bộ đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ được giao. Kinh nghiệm cho thấy, nếu không nghiêm chỉnh quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng một cách sâu rộng trong cán bộ, đảng

³⁸² Số liệu của Ban Thi đua khen thưởng tỉnh.

viên và Nhân dân, các mặt công tác sẽ không được tiến hành một cách thuận lợi, thậm chí thất bại.

Trên cơ sở nâng cao nhận thức, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị, bàn bạc dân chủ, nhằm phát huy trí tuệ tập thể để ra các nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; hoặc từ chủ trương của trên vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương. Đối với một số nghị quyết, chỉ thị quan trọng, Tỉnh ủy đề ra các chương trình, kế hoạch, các hướng dẫn cụ thể việc triển khai. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập ban chỉ đạo, hoặc các tổ công tác giúp ban chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Ban Thường vụ, Ban Chấp hành chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Nhờ vậy mà nhiều ngành, nhiều địa phương đã có nhiều cách làm sáng tạo, tạo ra bước đột phá, điển hình như: Huyện Cầu Ngang với việc đưa đảng viên ra tự phê trước Nhân dân (năm 1997), được tỉnh đánh giá có hiệu quả và được nhân rộng ra toàn tỉnh; hoặc Đề án hỗ trợ nhà ở, đất ở cho hộ Khmer nghèo của tỉnh (*là cơ sở để Trung ương ban hành Quyết định 74, Quyết định 29*); việc phân tích 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” theo Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) thành 82 biểu hiện để cán bộ, đảng viên dễ nhận diện, đánh giá... Đồng thời, trong mỗi thời kỳ, Tỉnh ủy xác định các nhiệm vụ trọng tâm để triển khai tổ chức thực hiện như: Những năm đầu mới tái lập, tỉnh tập trung dồn sức cho công tác thủy lợi, tạo điều kiện để nông nghiệp phát triển, giải quyết vấn đề thiếu đói và nâng cao đời sống của Nhân dân. Bên cạnh, tỉnh còn tập trung cho công tác xoá đói, giảm nghèo; giải quyết những vấn đề phức tạp liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Giai đoạn tiếp theo, tỉnh đã tập trung ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế trang trại (*có thời điểm cả tỉnh có gần 2.000 trang trại*), tập trung xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào địa bàn tỉnh; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao, điển hình như xây dựng Đề án 100; thành lập trường Đại học Trà Vinh,...

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, Đảng

bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện những cách làm hay, mô hình mới để nhân rộng. Đồng thời, đôn đốc, nhắc nhở, uốn nắn những việc làm chưa sát, chưa đúng với chỉ thị, nghị quyết. Từ đó, tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm phục vụ cho việc ban hành những chỉ thị, nghị quyết tiếp theo ngày càng sát hợp, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Hai là, thường xuyên củng cố, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh phải luôn gắn liền với tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất, để luôn nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ trong tình hình nhiệm vụ mới. Thực hiện đúng phương thức lãnh đạo của Đảng

Đảng bộ luôn nắm chắc tình hình, xác định rõ nhiệm vụ chính trị lâu dài và trong từng giai đoạn cách mạng, coi đó là nhiệm vụ trung tâm trong công tác lãnh đạo giáo dục chính trị, tư tưởng, không ngừng củng cố lập trường giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên; quán triệt tư tưởng tự lực, tự cường, quyết tâm vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống. Sự lãnh đạo của Đảng bộ là kết quả phản ánh sự thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, là quá trình quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của tỉnh Trà Vinh. Kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng đã khẳng định sự trưởng thành về nhận thức và năng lực chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ vừa qua.

Để Đảng bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, vấn đề hết sức quan trọng là xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ sự lãnh đạo của

Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chính phủ. Mặc dù trong quá trình lãnh đạo, Đảng, Nhà nước có những sai lầm, khuyết điểm; Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh vào những thời điểm nhất định có những băn khoăn, lo lắng, nhưng luôn vững tin Đảng sẽ sớm khắc phục, để tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, trong suốt 45 năm qua trên địa bàn tỉnh, từng lúc, từng nơi tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có những diễn biến phức tạp, nhưng chỉ là những sự kiện nhỏ lẻ, không ảnh hưởng lớn đến tình hình chung của tỉnh.

Thực tiễn qua 45 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh đã cho thấy rằng việc coi trọng và giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là trong Ban Chấp hành và Ban Thường vụ là vấn đề mấu chốt, quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Đoàn kết, gương mẫu, thương yêu nhau trong Đảng bộ có sức thuyết phục, lôi cuốn tập hợp quần chúng nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, kiên quyết đấu tranh phê phán các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bè phái, cục bộ, bảo thủ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, dao động trước khó khăn, chậm đổi mới,... là điều cần thiết và là truyền thống của Đảng bộ.

Trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, việc xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn được chú trọng. Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Ban Bí thư; kịp thời phát hiện, uốn nắn, khắc phục những biểu hiện yếu kém, sai sót ở cơ sở; thực hiện đổi mới đổi nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu; thực hiện tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, nhất là tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII); Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII). Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy định về việc cấp ủy viên từ tỉnh đến cơ sở đều phải tham gia sinh hoạt chi bộ ấp, khám để sâu sát tình hình đảng viên, quần chúng ở cơ sở; góp ý trong chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Quan tâm công tác tạo nguồn, bồi dưỡng

phát triển đảng viên; chú trọng đối tượng quần chúng tiên tiến là hội viên, đoàn viên, thanh niên, công nhân trong các doanh nghiệp, nữ và người dân tộc Khmer, nhất là những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp có đủ phẩm chất và năng lực, trung thành tuyệt đối với Đảng và gắn bó chặt chẽ với Nhân dân là một nội dung vô cùng quan trọng trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Bác Hồ từng dạy *“cán bộ là gốc của mọi công việc”*. Thực hiện lời dạy của Bác, trong 45 năm qua, Đảng bộ luôn quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. trong giai đoạn hiện nay, Tỉnh ủy yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ phải phát huy tính năng động, sáng tạo dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, phải xây dựng tinh thần *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội; phải có trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ. Tỉnh ủy đã lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cơ cấu hợp lý cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc. Phải thật sự quan tâm đến công tác phát triển đảng, kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng, đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không còn tư cách đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng.

Chú trọng và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hạn chế, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng.

Để không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ luôn quan tâm việc đổi mới phương thức lãnh đạo: Đảng lãnh đạo bằng chính

sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát; đồng thời thực hiện theo phương châm hướng về cơ sở, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế trong quá trình lãnh đạo của Tỉnh uỷ Trà Vinh những năm qua khẳng định: Cấp ủy cấp trên phải thường xuyên sâu sát với cấp dưới; xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh qui chế làm việc; phân công nhiệm vụ rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm cá nhân; lãnh đạo bằng việc để ra các chương trình trọng tâm, các kế hoạch và nghị quyết chuyên đề, chọn khâu trung tâm, mắt xích quan trọng, chọn vấn đề có tính đột phá để tập trung chỉ đạo thực hiện. Trong chỉ đạo thực hiện kịp thời chọn và xây dựng các điển hình tiên tiến, tổng kết kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và làm tốt công tác tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên trước Nhân dân, phát huy đầy đủ quyền làm chủ trực tiếp và gián tiếp của Nhân dân trong xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, toàn tâm phục vụ lợi ích của Nhân dân thì sẽ tạo được động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của Nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của Đảng bộ đề ra. Tăng cường trật tự kỷ cương trong chỉ đạo quản lý xã hội của chính quyền.

Nắm chắc quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng nhà nước kiểu mới, nhà nước của dân, do dân và vì dân, trong 45 năm qua Đảng bộ luôn quan tâm xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong sạch vững mạnh, có hiệu lực hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Thực tế đã chứng minh, nơi nào chính quyền hoạt động có hiệu lực hiệu quả; đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân thì nơi đó luôn hoàn thành tốt việc triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, được nhân dân tin yêu và tin nhiệm.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh là người đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên,

hội viên và các tầng lớp nhân dân, đồng thời là người tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Nếu cấp ủy, chính quyền biết phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tạo điều kiện cho các đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt là chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia tích cực đóng góp xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, năng động, sáng tạo trong phương thức hoạt động thì phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân sẽ sôi động và có hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ba là, tin dân, dựa vào dân, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân.

Nhận thức đúng đắn về sức mạnh của Đảng không chỉ ở bản thân Đảng, bản thân những người cộng sản mà còn ở mối quan liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *"Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công"*.

Quan triết lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh luôn xem công tác vận động quần chúng là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; triển khai đồng bộ công tác dân vận của cả hệ thống chính trị, chú trọng đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền; đề cao yêu cầu đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ý thức thái độ phục vụ Nhân dân, sâu sát cơ sở của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; tôn trọng và lắng nghe ý kiến của Nhân dân đóng góp xây dựng chủ trương, chính sách, đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phẩm chất, trong thực hiện trách nhiệm được giao, tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những quy định của địa phương.

Trà Vinh là tỉnh có nhiều dân tộc, nhưng chủ yếu là người Kinh, Khmer và Hoa. Đồng thời, cũng là tỉnh có nhiều tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Tin Lành, Hồi giáo... Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, khoét sâu mâu thuẫn, gây chia rẽ giữa cộng đồng các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh trong những năm tháng đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn là âm mưu xuyên suốt của các thế lực thù địch. Bất luận trong bất cứ hoàn cảnh nào, Đảng bộ tỉnh luôn nhận thức đúng đắn, tầm quan trọng của việc duy trì và đảm bảo vững chắc khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo. Xem đây là một trong những nguyên nhân làm nên những thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực của tỉnh nhà. Từ trong suy nghĩ và hành động, Đảng bộ tỉnh thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục để mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức đúng đắn các quan điểm của đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhận thức đầy đủ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, đồng thời vận dụng các chủ trương, chính sách của Trung ương, ban hành các chủ trương, chính sách của tỉnh để triển khai thực hiện như các Nghị quyết 01, 06, 03 của Tỉnh ủy về *chuyển biến vùng đồng bào Khmer trong tỉnh*, *Đề án 01 về hỗ trợ nhà ở, đất ở cho đồng bào Khmer*.

Chính từ việc quán triệt đầy đủ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đồng thời có những Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phù hợp mà kinh tế vùng có đông đồng bào Khmer trong tỉnh phát triển, đời sống của đồng bào được nâng cao, văn hóa của đồng bào được bảo tồn và phát huy, hệ thống chính trị trong vùng có đông đồng bào được xây dựng, củng cố vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên người Khmer ngày càng phát triển, đảm đương nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Bốn là, phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đồng thời tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bộ, ngành, các tỉnh, thành bạn.

Sau ngày tỉnh nhà được giải phóng, kết cấu hạ tầng của Trà Vinh rất lạc hậu lại bị tàn phá nặng nề, các hoạt động kinh tế có thời điểm bị

đình đốn, do những chủ trương, chính sách không phù hợp, tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề cấp bách đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phải giải quyết. Từ trong những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua đó, Đảng bộ đã biết phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vào mặt trận mới - mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hàng triệu lượt lao động được huy động để làm nên các công trình thủy lợi như đập Bến Giá, kênh Thống Nhất, kênh 3/2, kênh Trà Ngoa...; hàng ngàn ha đất được khai hoang phục hóa; hàng trăm sáng kiến cải tiến kỹ thuật của công nhân, người lao động trên các công trường, nhà máy, xí nghiệp để tạo những sản phẩm hàng hóa như: Lúa gạo, trái cây, tôm cá, các mặt hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không chỉ phục vụ cho thị trường nội địa mà còn xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới; hàng ngàn km đường, hàng trăm cây cầu, nhà máy, xí nghiệp, bệnh viện, trường học... được đầu tư xây dựng từ mồ hôi, công sức và sự đóng góp kinh phí của cán bộ, đảng viên, của Nhân dân và cộng đồng các doanh nghiệp trong tỉnh... đã góp phần đưa kinh tế của tỉnh trong nhiều năm qua luôn tăng trưởng ở mức cao.

Cùng với phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, Đảng bộ đã quan tâm đến việc tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bộ, ngành, các tỉnh, thành bạn, các tổ chức quốc tế. Nhiều công trình trọng điểm của Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh như hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít, Luồng tàu cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, Trung tâm Điện lực Duyên Hải, cầu Cổ Chiến... đã tạo động lực cho tỉnh phát triển; hàng trăm triệu USD được các chính phủ, tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO) tài trợ cho các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo; hàng ngàn tỷ đồng được các tỉnh, thành bạn, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, của các nhà hảo tâm hỗ trợ cho các cuộc vận động gây quỹ an sinh xã hội, giúp cho tỉnh có thêm nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, xây dựng trường học, cầu đường nông thôn...

Năm là, thực hiện đồng bộ giữa phát triển kinh tế với chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội.

Là một tỉnh bị chiến tranh tàn phá nặng nề, có đồng bào dân tộc, tôn giáo, có nhiều đối tượng chính sách xã hội, nhiều hộ nghèo. Vì vậy, cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, tỉnh luôn chú trọng thực hiện tốt các chính sách xã hội và an sinh xã hội. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, nhất là chuyển đổi cơ cấu kinh tế; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác, hợp tác xã. Huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, nước, hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế phục vụ cho sản xuất; tăng cường xúc tiến đầu tư kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn tỉnh. Từ đó mà 45 năm qua, đặc biệt là 28 năm tái lập tỉnh tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của tỉnh luôn đạt từ 10 - 12%; thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 62,567 triệu đồng.

Cùng với phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho Nhân dân, các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh xác định việc thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững. Vì vậy, trong những năm qua, tỉnh đã có nhiều chính sách, giải pháp thiết thực trong công tác giảm nghèo, hàng năm tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm, trong đồng bào dân tộc Khmer giảm bình quân hàng năm 3%, đến cuối năm 2020 tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh chỉ còn 1,8% (hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer còn 3,21%). Để công tác giảm nghèo được bền vững, tỉnh đã chú trọng công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm. Mỗi năm tỉnh tạo việc làm mới cho khoảng 24.000 lao động và đưa gần 1.000 lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài; triển khai thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chăm lo sức khỏe cộng đồng, thực hiện bảo hiểm y tế cho người dân, khám, chữa bệnh cho người nghèo, chăm sóc bà mẹ và trẻ em. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện nhiều chính sách xã hội nhằm giảm bớt khó khăn cho người nghèo, hộ đồng bào dân tộc

Khmer như: miễn giảm học phí và hỗ trợ học phí cho con em hộ nghèo, hộ dân tộc Khmer; xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết... Đặc biệt tình luôn quan tâm chăm lo cho người có công, gia đình chính sách như xây dựng nhà tình nghĩa, nhận phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống... Chính việc thực hiện tốt các chính sách xã hội mà Nhân dân trong tỉnh luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Là một tỉnh trọng điểm về quốc phòng - an ninh trong khu vực và cả nước tỉnh luôn xác định, trong quá trình phát triển kinh tế, phải gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh; chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo phân cấp, bảo đảm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân luôn nhận thức ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, bảo đảm quốc phòng - an ninh được thể hiện qua việc quy hoạch, xây dựng kế hoạch và các chương trình, dự án phát triển đều được tính đến yếu tố quốc phòng - an ninh, nhất là tính lưỡng dụng thích hợp. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện, xây dựng nền nếp chính quy, nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Quan tâm thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội để cán bộ, chiến sĩ yên tâm phục vụ; động viên toàn dân tích cực tham gia xây dựng quân đội, củng cố nền quốc phòng, thế trận an ninh vững chắc; sẵn sàng ứng phó các tình huống xảy ra, giữ vững khu vực phòng thủ, địa bàn. Ba lực lượng quân đội, công an và bộ đội biên phòng tỉnh luôn luôn kết hợp chặt chẽ trong bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

*

* *

Lịch sử Tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1975 - 2020, là sự tiếp nối truyền

thông *“Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công”* trong cách mạng giải phóng dân tộc, là sự phát huy và khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tính năng động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn thử thách để vươn lên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo nên những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, để Trà Vinh có diện mạo ngày hôm nay. Tuy vẫn còn những hạn chế, yếu kém, nhưng những thành tựu trong 45 năm qua thật đáng trân trọng và tự hào.

Những thành tựu, kinh nghiệm tích lũy được trong 45 năm qua sẽ là tài sản vô cùng quý báu, giúp Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trà Vinh tiếp tục kế thừa và phát huy để xây dựng quê hương Trà Vinh ngày càng văn minh, giàu đẹp theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những giai đoạn tiếp theo.